TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG -TP HÀ NỘI** **-----***-----**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **-----***-----**
Số: **425**/2017/QĐST - HNGĐ	Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 585/2017/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa:

* Nguyên đơn: **Chị Uông Thị H1**, sinh năm 1971

Nghề nghiệp: Nhân viên Bảo tàng L

Hộ khẩu thường trú và trú tại: tổ 12 phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: **Anh Trương Ngọc H2**, sinh năm 1966

Nghề nghiệp: Nhân viên Trung tâm H.

Hộ khẩu thường trú và trú tại: tổ 12 phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điều 24; điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Mục 1.1-1.II Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án (Ban hành kèm theo Nghị quyết);

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật , không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó .

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa :

Chị Uông Thị H1, sinh năm 1971

Anh Trương Ngọc H2, sinh năm 1966

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau :

* Về tình cảm: **Chị Uông Thị H1** và anh **Trương Ngọc H2** cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, cùng thuận tình ly hôn.

* Về con: Hai bên xác nhận vợ chồng có 01 (một) con chung là: Trương Minh P sinh ngày 23 tháng 11 năm 1995.

Hai bên thống nhất con chung là cháu Trương Minh P đã trên 18 tuổi, sức khoẻ bình thường, có khả năng lao động, không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề con chung nên Toà án không xét.

* Về tài sản và nhà ở chung: Hai bên thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản và nhà ở chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xét.

* Về công nợ: Hai bên xác nhận không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không xem xét.

* Về án phí : Ghi nhận sự tự nguyện của chị Uông Thị H1 chịu cả 150.000đ (*một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp, chị H1 được nhận lại 150.000đ *(một trăm năm mươi ngàn đồng)* theo biên lai số 0002951 ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Hai Bà Trưng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HAI BÀ TRƯNG
Thẩm phán

(đã ký)

Nguyễn Thị Hải Yến

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND Quận Hai Bà Trưng;
- THA Quận Hai Bà Trưng;
- Sở Tư pháp;
- UBND phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ vụ án; Lưu VP.